TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 329– 6 - 2022
"V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hoà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

Ông Trương Thị Thu Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số 140/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim Ph, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ 15, ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Kim Ph về nội dung *"Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn"*: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Tổ 15, ấp MT, xã MP, huyện CP, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Đặng Thanh T1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ 19, ấp KH, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang.

Bà Lê Thị Kim T có mặt tại phiên tòa; bà Trần Thị Kim Ph vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Đặng Thanh T1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng bà Trần Thị Kim Ph và bà Lê Thị Kim T đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Kim Ph trình bày:

Về hôn nhân: Bà Ph với ông T1 do mai mối, sau đó tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2020 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã ly thân gần 02 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Ph yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Có 18 chỉ vàng 24kr hiện do ông T1 đang quản lý, bà Ph yêu cầu chia đôi cho bà nhận 09 chỉ vàng 24kr. Vì tại buổi hoà giải tại ban ấp Khánh Hoà ông T1 thừa nhận là đang quản lý vàng và đồng ý chia cho bà Ph 09 chỉ vàng 24kr.

Bị đơn ông Đặng Thanh T1 vắng mặt các lần toà án triệu tập không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên toà,

Bà T trình bày: Loại vàng nguyên đơn yêu cầu chia là vàng nữ trang, 24kara. Nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung là 18 chỉ vàng, loại vàng nữ trang 24kara, theo đó bà Ph được nhận 09 chỉ, ông T1 được nhận 09 chỉ. T1 bộ 18 chỉ vàng này hiện do ông T1 đang quản lý nên ông T1 phải chia lại cho bà Ph 09 chỉ vàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến, quan điểm về vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bà Trần Thị Kim Ph và ông Đặng Thanh T1 không phải là vợ chồng; Về con chung: Không xem xét; Về nợ chung: Không xem xét; Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí, quyền kháng cáo giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Bà Ph yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung với ông T1. Do đó, HĐXX xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn. Ông T1 có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tài liệu, chứng cứ: Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã tống đạt thông báo kết quả phiên họp cho ông Đặng Thanh T1. Do đó, Toà án xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công khai, tiếp cận để giải quyết vụ án theo quy định.

[1.2] Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự: Nguyên đơn ủy quyền cho bà Lê Thị Kim T về nội dung tranh chấp tài sản khi ly hôn bà Lê Thị Kim T có mặt. Đối với tranh chấp ly hôn bà Trần Thị Kim Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông Đặng Thanh T1 vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Thanh T1 và bà Trần Thị Kim Ph là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Ph cho rằng giữa bà với ông T1 có tổ chức lễ cưới nhưng chưa đăng ký hôn.

Căn cứ Biên bản xác minh ngày 19 tháng 4 năm 2022 được UBND xã Khánh Hòa xác nhận; Biên bản xác minh ngày 19 tháng 4 năm 2022 được UBND xã Mỹ Phú xác nhận. Thể hiện giữa bà Ph và ông T1 chưa đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Hòa và UBND xã Mỹ Phú.

Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng ..."*

HĐXX thấy rằng, giữa bà Ph và ông T1 sống chung như vợ chồng nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Do đó, HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ph và ông T1 là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung:

Bà Ph trình bày không có, bị đơn không có ý kiến đối với vấn đề này. Do đó, HĐXX không xem xét.

[2.3] Tài sản chung:

Biên bản hòa giải ngày 22/02/2021 của Ban ấp Khánh Hòa thể hiện nội dung *"Bên Đặng Thanh T1 sẽ bồi hoàn cho cô Trần Thị Kim Ph với số vàng như sau: vàng 24 kara là 9 chỉ"*. Nội dung hòa giải này thể hiện ý chí của ông T1 là đang quản lý, sử dụng tài sản chung 18 chỉ vàng 24kr và đồng ý giao lại cho bà Trần Thị Kim Ph là 09 chỉ vàng, loại vàng 24 kara. Mặt khác, quá trình tố tụng ông T1 không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ph là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ph, buộc ông T1 chia lại cho bà Ph 09 chỉ vàng 24 kara, ông T1 được hưởng 09 chỉ vàng 24 kara là đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Về nợ chung:

Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết, bị đơn không có ý kiến về vấn đề này nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí:

HĐXX thấy rằng, giá vàng nữ trang 24 kara theo thị trường ngày 30/6/2022 là 5.290.000đ/chỉ X 09 chỉ = 47.610.000đ. Do đo, HĐXX sử dụng giá vàng này để làm căn cứ quy đổi xác định mức nộp tạm ứng án phí của các đương sự.

Bà Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình như sau: án phí ly hôn là 300.000đ; án phí về chia tài sản chung khi ly hôn là 2.380.500đ. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về chia tài sản chung là 2.380.500đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 14, khoản 3 Điều 33, Điều 53, khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên bố bà Trần Thị Kim Ph và ông Đặng Thanh T1 không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về nợ chung: Không xem xét.

4. Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của bà Trần Thị Kim Ph.

Bà Trần Thị Kim Ph được được nhận 09 (Chín) chỉ vàng, loại vàng nữ trang 24 kara. Buộc ông Đặng Thanh T1 chia lại cho bà Trần Thị Kim Ph số tài sản này.

Ông Đặng Thanh T1 được nhận 09 (chín) chỉ vàng, loại vàng nữ trang 24 kara, số vàng này ông Đặng Thanh T1 đang quản lý.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Ông Đặng Thanh T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về chia tài sản chung là 2.380.500đ (Hai triệu ba trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng).

Bà Trần Thị Kim Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn và 2.380.500đ (Hai triệu ba trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về chia tài sản chung khi ly hôn. Được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Trần Thị Kim Ph đã nộp theo biên lai thu số: 0003563 ngày 17 tháng 3 năm 2022 và 1.170.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lait hu số 0003564 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Bà Trần Thị Kim Ph phải nộp thêm 1.210.500đ (Một triệu hai trăm mười nghìn năm trăm đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, đương sự có mặt tính kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tính kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Chi cục THA DS huyện Châu Phú;
- Các đương sựp;
- Lưu: hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Hòa

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 24/2022/QĐ-SCBSBA	*Châu Phú, ngày 11 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung quyết định do lỗi chính tả trong Bản án số 219/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã giải quyết sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình, về việc *"Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"*, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim Ph, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ 15, ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Kim Ph về nội dung *"Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn"*: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Tổ 15, ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Đặng Thanh T1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ 19, ấp Khánh Hoà, xã Khánh Hoà, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung trong Bản án số 219/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang như sau:

- Tại mục số hiệu ký hiệu trang thứ 1 đã ghi:

"Bản án số: 219/2022/HNGĐ-ST

Ngày: **329**– 6 - 2022

"V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"".

- Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

"Bản án số: 219/2022/HNGĐ-ST

Ngày: **29–** 6 - 2022

"V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Châu Phú;
- Cơ quan THA H.Châu Phú;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN

Võ Văn Hòa